Write these words into English.

1. ghế bành
2. ghế ngồi
3. cái đèn
4. bồn rửa
5. bệnh
6. bồn tắm
7. phép trừ
8. dấu trừ
9. điểm kiểm tra
10. mang đi
11. cột
12. hàng
13. số có một chữ số
14. số có hai chữ số
15. còn lại, để lại

LIVEWORKSHEETS